

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

NỘI DUNG

TRANG

1.	Thông tin về doanh nghiệp	2
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	3
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4.	Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	6 - 9
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	10
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	11
7.	Bản thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	12 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Các văn bản thành lập

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900914957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2010. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 29 tháng 03 năm 2021.

Hội đồng quản trị

Ông Phùng Ngọc Bộ	Chủ tịch HĐQT
Ông Huỳnh Hoàng Thiện	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Chung	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Văn Thắng	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên BKS
---------------------	----------------

Ban Tổng Giám Đốc

Ông Phạm Tiến Thịnh	Tổng Giám Đốc
---------------------	---------------

Người đại diện theo pháp luật

Ông Phạm Tiến Thịnh	Tổng Giám Đốc
---------------------	---------------

Trụ sở chính

Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Vốn điều lệ

165.042.063.000 VND

Mã số thuế

3 9 0 0 9 1 4 9 5 7

Hoạt động chính của Công ty

Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.

Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Rồng Việt ("VDAC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám Đốc CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT (sau đây gọi tắt là "Công ty") trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này.

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám Đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hằng năm thể hiện một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám Đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại mọi thời điểm và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám Đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và sai quy định khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám Đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 04 năm 2023



PHẠM TIẾN THỊNH
TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Các báo cáo tài chính năm 2022 của

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Số: 0318T.2023/VDAC

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT (sau đây được gọi là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 04 năm 2023 từ trang 6 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám Đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám Đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Cơ sở ngoại trừ

Do những hạn chế về phạm vi kiểm toán, chúng tôi đã không thu thập được đầy đủ tài liệu và bằng chứng kiểm toán phù hợp đối với số dư của các khoản mục chi phí trả trước, chi phí phải trả và phải trả khác được thể hiện trên Bảng cân đối kế toán của công ty tại ngày đầu năm. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với số dư của các khoản mục trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Do số dư của các khoản mục trên có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm của Công ty, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh đối với lợi nhuận cho năm tài chính được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN RỒNG VIỆT

Giám đốc điều hành

**KIỂM TOÁN TƯ VẤN
RỒNG VIỆT**

Lê Hoàng Tuyên

Kiểm toán viên công chứng

Số: 0622-2019-201-1/KTV

Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Kiểm Toán Viên



Vũ Tiến Sỹ

Kiểm toán viên công chứng

Số: 2863-2019-201-1/KTV

Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính***Mẫu số B 01 - DN***(Đơn vị tính: VND)*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110+120+130+140+150)	100		21.777.583.575	26.255.648.789
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	20.710.454	113.583.823
Tiền	111		20.710.454	113.583.823
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.647.759.852	15.142.485.994
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	298.183.363	745.257.903
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	8.651.567.809	13.694.493.077
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	698.008.680	702.735.014
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	4.961.600.418	4.409.165.418
Hàng tồn kho	141		4.961.600.418	2.046.940.992
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	2.362.224.426
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.147.512.851	6.590.413.554
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.482.342.086	2.514.669.300
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.665.170.765	4.075.744.254
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. Tài sản dài hạn (200 = 210+220+240+250+260)	200		730.640.252.411	711.255.765.131
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
II. Tài sản cố định	220		28.441.130.909	68.860.513
Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	28.441.130.909	68.860.513
Nguyên giá	222		30.876.041.728	2.434.910.819
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.434.910.819)	(2.366.050.306)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		682.256.699.101	688.887.625.564
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	682.256.699.101	688.887.625.564
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		19.942.422.401	22.299.279.054
Chi phí trả trước dài hạn	261		19.942.422.401	22.299.279.054
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)	270		752.417.835.986	737.511.413.920

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. Nợ phải trả (300 = 310+330)	300		658.171.671.034	635.860.363.037
I. Nợ ngắn hạn	310		42.734.434.576	36.354.493.419
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	26.070.229.075	25.067.784.551
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.09	5.006.514.670	1.726.670.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		-	-
Phải trả người lao động	314	V.10	3.770.273.781	3.800.690.751
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	3.729.815.477	3.396.670.274
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	4.157.601.573	2.362.677.843
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		615.437.236.458	599.505.869.618
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		127.754.029.133	111.804.802.404
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		41.008.476.646	41.026.336.535
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	446.674.730.679	446.674.730.679
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. Vốn chủ sở hữu (400 = 410+430)	400		94.246.164.952	101.651.050.883
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	94.246.164.952	101.651.050.883
Vốn góp của chủ sở hữu	411		167.427.063.000	167.427.063.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		167.427.063.000	167.427.063.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022


Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	3	4	5
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(73.180.898.048)	(65.776.012.117)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(65.776.012.117)	(58.580.420.481)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(7.404.885.931)	(7.195.591.636)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300+400)	440		752.417.835.986	737.511.413.920

Tây Ninh, ngày 18 tháng 04 năm 2023



PHẠM TIẾN THỊNH
TỔNG GIÁM ĐỐC


LÒ VIẾT THÀNH
KẾ TOÁN TRƯỞNG


LÒ VIẾT THÀNH
NGƯỜI LẬP BIỂU

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính***Mẫu số B 02 - DN***(Đơn vị tính: VND)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		-	-
Giá vốn hàng bán	11		-	-
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.01	306.149	986.486
Chi phí tài chính	22	VI.02	999.850.546	78.559.669
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.04	6.435.500.658	7.149.928.283
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(7.435.045.055)	(7.227.501.466)
Thu nhập khác	31		41.228.907	35.557.400
Chi phí khác	32		11.069.783	3.647.570
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		30.159.124	31.909.830
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(7.404.885.931)	(7.195.591.636)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(7.404.885.931)	(7.195.591.636)

Tây Ninh, ngày 18 tháng 04 năm 2023



PHẠM TIẾN THỊNH
TỔNG GIÁM ĐỐC

LÒ VIẾT THÀNH
KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÒ VIẾT THÀNH
NGƯỜI LẬP BIỂU

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 03 - DN

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		51.181.699.969	9.148.117.526
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(46.396.513.475)	(5.317.715.579)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.542.645.115)	(3.840.621.153)
Tiền lãi vay đã trả	04		(341.816.278)	(7.293.247)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.189.943.700	548.684.061
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(2.978.465.900)	(3.360.909.534)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.887.797.099)	(2.829.737.926)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		5.046.423.730	4.244.811.013
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(3.251.500.000)	(2.603.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.794.923.730	1.641.811.013
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(92.873.369)	(1.187.926.913)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		113.583.823	1.301.510.736
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		20.710.454	113.583.823

Tây Ninh, ngày 18 tháng 04 năm 2023



PHẠM TIẾN THỊNH
TỔNG GIÁM ĐỐC

LÒ VIẾT THÀNH
KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÒ VIẾT THÀNH
NGƯỜI LẬP BIỂU

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần có 66,48% vốn nhà nước.
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:** Thương mại - Sản xuất.
- Hoạt động chính**
Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Không quá 12 tháng.
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Không có.
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.
Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG: Doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục.

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

02. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

03. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

05. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

06. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm/Năm nay	Số năm/Năm trước
Máy móc và thiết bị	05 - 10	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05	04 - 05
Phần mềm máy tính	03 - 05	03 - 05

07. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

08. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

09. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy, trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

12. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

13. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban tổng giám đốc, hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác: theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	815.075	4.500.038
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.895.379	109.083.785
Cộng	<u>20.710.454</u>	<u>113.583.823</u>

02. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Khí hoá Công nghiệp Tây Ninh	101.708.641	75.483.603
Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công Nghiệp	93.074.300	93.074.300
Công ty TNHH Chế Biến Hải Sản Thiên Ân	52.197.140	-
Công ty Cổ Phần Thương Mại Imexco Việt Nam	47.376.322	574.750.000
Công ty TNHH Kiến Vượng	3.826.960	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	-	1.950.000
Cộng	<u>298.183.363</u>	<u>745.257.903</u>

03. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Novasep Process Sas (Novasep)	8.013.023.306	8.013.023.306
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	378.229.999	1.114.550.000
Công ty TNHH Brenntag Việt Nam	96.960.600	-
Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp	-	4.399.925.521
Khác	163.353.904	166.994.250
Cộng	<u>8.651.567.809</u>	<u>13.694.493.077</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***04. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	105.381.966	87.608.300
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	592.626.714	615.126.714
Cộng	698.008.680	702.735.014

05. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.956.636.400	-	583.655.706	-
Công cụ, dụng cụ	1.317.106.045	-	1.405.962.833	-
Thành phẩm	687.857.973	-	57.322.453	-
Cộng	4.961.600.418	-	2.046.940.992	-

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	149.627.000	2.176.920.183	108.363.636	2.434.910.819
Đầu tư XDCB hoàn thành	28.441.130.909	-	-	-	28.441.130.909
Số dư cuối năm	28.441.130.909	149.627.000	2.176.920.183	108.363.636	30.876.041.728
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	149.627.000	2.108.059.670	108.363.636	2.366.050.306
Khấu hao trong năm	-	-	68.860.513	-	68.860.513
Số dư cuối năm	-	149.627.000	2.176.920.183	108.363.636	2.434.910.819
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	-	68.860.513	-	68.860.513
Tại ngày cuối năm	28.441.130.909	-	-	-	28.441.130.909

07. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản mục	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
XDCB dở dang	688.887.625.564	21.810.204.446	28.441.130.909	-	682.256.699.101
Chi phí xây dựng	31.823.019.179	-	28.441.130.909	-	3.381.888.270
Chi phí máy móc, thiết bị	277.627.510.054	-	-	-	277.627.510.054
Chi phí khác	379.437.096.331	21.810.204.446	-	-	401.247.300.777
Cộng	688.887.625.564	21.810.204.446	28.441.130.909	-	682.256.699.101

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ việc bán sản phẩm chạy thử	50.249.951.047	6.747.646.400
Chi phí chạy thử	48.307.344.919	9.578.969.612

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

08. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Khí hoá Công nghiệp Tây Ninh	9.676.339.934	9.422.007.603
Công ty TNHH VN Haco	3.871.186.668	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Cụm Công Nghiệp Tân Hội	3.860.999.684	3.514.023.078
CN Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy 8	1.300.625.719	1.359.830.719
Công ty TNHH Exel Plastech	1.250.000.000	1.395.066.000
Công ty TNHH Tấn Xuân	923.985.934	923.985.934
Các nhà cung cấp khác	5.187.091.136	8.452.871.217
Cộng	<u>26.070.229.075</u>	<u>25.067.784.551</u>

09. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	5.006.514.670	-
Công ty TNHH Kiến Vương	-	1.726.670.000
Cộng	<u>5.006.514.670</u>	<u>1.726.670.000</u>

10. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	3.770.273.781	3.800.690.751
Cộng	<u>3.770.273.781</u>	<u>3.800.690.751</u>

11. Phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>3.729.815.477</u>	<u>3.396.670.274</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	48.376.732	-
Bảo hiểm y tế	481.929.853	452.017.527
Bảo hiểm xã hội	2.857.236.349	2.613.682.726
Kinh phí công đoàn	142.953.889	142.953.889
Bảo hiểm thất nghiệp	199.318.654	188.016.132
Cộng	<u>3.729.815.477</u>	<u>3.396.670.274</u>

12. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng SHB chi nhánh Hoàn Kiếm - Hà Nội (chuyển sang dài hạn)	-	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương Mại Tam Long	3.380.038.230	1.269.614.500
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Đông Đô (chuyển sang dài hạn)	-	-
Hoàng Quỳnh Nga	525.311.013	852.811.013
Phạm Tiến Thịnh	252.252.330	240.252.330
Cộng	<u>4.157.601.573</u>	<u>2.362.677.843</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***12. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)****b. Vay dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng SHB chi nhánh Hoàn Kiếm - Hà Nội	301.994.730.679	301.994.730.679
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Đông Đô	144.680.000.000	144.680.000.000
Cộng	446.674.730.679	446.674.730.679

13. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	167.427.063.000	-	-	(58.580.420.481)	108.846.642.519
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	(7.195.591.636)	(7.195.591.636)
Số dư cuối năm trước	167.427.063.000	-	-	(65.776.012.117)	101.651.050.883
Số dư đầu năm nay	167.427.063.000	-	-	(65.776.012.117)	101.651.050.883
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	(7.404.885.931)	(7.404.885.931)
Số dư cuối năm nay	167.427.063.000	-	-	(73.180.898.048)	94.246.164.952

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn góp đầu kỳ

Vốn góp cuối kỳ

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Giá trị

167.427.063.000

167.427.063.000

-

Tình hình góp vốn điều lệ

	Tỷ lệ %	Vốn đăng ký	Vốn đã góp
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	43.18%	71.262.030.000	71.262.030.000
Công ty CP Thành Thành Công Biên Hòa	19.13%	31.579.200.000	31.579.200.000
Công ty TNHH MTV Cao su 1/5	11.65%	19.233.333.000	19.233.333.000
Công ty TNHH SX - Thương mại - Dịch vụ Tây Ninh	11.65%	19.233.000.000	19.233.000.000
Công ty CP Landmark Holding	4.82%	7.958.000.000	7.958.000.000
Công ty TNHH Sản Xuất Cao Su Liên Anh	4.49%	7.412.510.000	7.412.510.000
Công ty TNHH Sản xuất & Thương Mại Tam Long	2.12%	3.500.000.000	5.885.000.000
Ông Lý Ngọc Quyết	1.95%	3.225.990.000	3.225.990.000
Công ty CP Thiết kế Công Nghiệp Hóa Chất	0.99%	1.638.000.000	1.638.000.000
Cộng	100%	165.042.063.000	167.427.063.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SORBITOL PHÁP-VIỆT

Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	306.149	986.486
Cộng	306.149	986.486

02. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	999.850.546	78.559.669
Cộng	999.850.546	78.559.669

03. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.737.123.741	5.173.343.382
Chi phí vật liệu quản lý	404.989.501	116.438.500
Chi phí đồ dùng văn phòng	105.048.825	92.580.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.356.647	110.577.868
Thuế, phí và lệ phí	3.848.541	188.631.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.806.377.485	1.244.630.416
Chi phí bằng tiền khác	373.755.918	223.726.176
Cộng	6.435.500.658	7.149.928.283

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Tây Ninh, ngày 18 tháng 04 năm 2023



PHẠM TIẾN THỊNH
TỔNG GIÁM ĐỐC

LÒ VIẾT THÀNH
KÊ TOÁN TRƯỞNG

LÒ VIẾT THÀNH
NGƯỜI LẬP BIỂU